

# Tác động của đại dịch Covid-19 đối với thương mại quốc tế và xuất nhập khẩu một số ngành chính của Việt Nam

Lê Thu Hằng

Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Ngoại Thương

Đại dịch COVID-19 đã tạo ra một cú sốc cả về cung và cầu tác động tới thương mại quốc tế về hàng hóa và dịch vụ. Bài viết này phân tích một số tác động thương mại quốc tế và Việt Nam, trong đó tập trung vào các tác động đến khu vực sản xuất, dòng luân chuyển thương mại, chuỗi cung ứng toàn cầu. Bài viết đi sâu phân tích ảnh hưởng đối với 02 ngành quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu là ngành dệt may và sản xuất các thiết bị điện tử tiêu dùng.

## 1. Tác động đến thương mại quốc tế

### 1.1. Các số liệu cơ bản

Thứ nhất, trước kia dịch bệnh sau chiến tranh thường tác động nhiều hơn tới những quốc gia có ít tầm ảnh hưởng về kinh tế nhưng đại dịch lần này hoàn toàn khác. Tính đến tháng 6 năm 2020, trong số các quốc gia có số ca bệnh ghi nhận cao có 10 quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất gồm Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Vương quốc Anh, Pháp, Ấn Độ, Italia, Brazil, Canada. Chi tính riêng nhóm 10 quốc gia này đã chiếm gần 60% tổng số ca nhiễm COVID-19 trên toàn thế giới. Nếu tính thêm Liên bang Nga là quốc gia có GDP xếp thứ 11 thế giới thì bao gồm 2/3 tổng số ca nhiễm.

Thứ hai, nếu dịch bệnh và các chính sách bảo hộ thương mại đi kèm gây ra sự suy giảm lớn về tổng cầu tại hầu hết các quốc gia, thương mại toàn cầu sẽ sụt giảm đáng kể. Hậu quả của nó nhiều khả năng sẽ tăng lên gấp nhiều bởi lẽ trong các cuộc khủng hoảng trước kia, thương mại toàn cầu giảm mạnh hơn so với tốc độ tăng trưởng.

Thứ ba, ngoài việc chiếm tỷ trọng lớn, lĩnh vực sản xuất của 10 nền kinh tế chịu tác động mạnh nhất của dịch bệnh này còn là trung tâm của vô số chuỗi cung ứng toàn cầu. Mỗi quốc gia là nhà cung ứng quan trọng các yếu tố đầu vào công nghiệp của các nước kia và của thế giới thứ ba.

### 1.2. Tác động đến khu vực sản xuất

Một điểm quan trọng là lĩnh vực sản xuất có đặc thù là hàng hóa được sản xuất ra nhìn chung là các giao dịch mua bán “có tính trì hoãn”. Như chúng ta đã thấy ở cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2009, sự suy giảm nhu cầu tiêu dùng các hàng hóa lâu bền sẽ lớn hơn các hàng hóa không lâu bền. Xét tổng thể, khu vực sản xuất nhiều khả năng chịu 3 tác động như sau:

(i) Sự đứt gãy nguồn cung trực tiếp đã cản trở sản xuất khi dịch bệnh chủ yếu tác động tới trung tâm sản xuất của thế giới (Đông Á) và lan nhanh ra các nước công nghiệp lớn là Mỹ và Đức.

(ii) Tính lan truyền của chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ càng khuyếch đại sự sụt giảm nguồn cung trực tiếp do lĩnh vực sản xuất của các nước ít chịu tác động của dịch bệnh sẽ khó khăn hơn và/hoặc tốn kém nhiều chi phí hơn để nhập khẩu đầu vào thiết yếu cho ngành công nghiệp từ các nước bị dịch bệnh, và cứ tiếp tục như vậy.

(iii) Suy giảm về nhu cầu xuất phát từ (1) sự sụt giảm ví mô của tổng cầu do suy thoái, và (2) sự thận trọng và trì hoãn mua sắm của người tiêu dùng, trì hoãn đầu tư của các công ty.

### 1.3. Tác động tới dòng luân chuyển thương mại toàn cầu

Mô hình lực hấp dẫn trong kinh tế học quốc tế cũng tương tự như mô hình lực hấp dẫn trong các môn khoa học xã hội khác, dự đoán rằng trao đổi thương mại song phương phụ thuộc vào quy mô của hai nền kinh tế và khoảng cách giữa chúng.

Do khoảng cách giữa 2 quốc gia không thay đổi, sự sụt giảm mạnh xuất khẩu song phương dẫn ngay tới sự sụt giảm nguồn cung tương ứng (thay đổi GDP của quốc gia nguồn, ở đây là nước bán) và sụt giảm cầu (thay đổi GDP của quốc gia đích, nước mua). Do đó, phân tích này đưa ra hai tác động thương mại như sau:

(i). Trong trường hợp COVID-19 gây ra cú sốc về tổng cung, khi đó xuất khẩu sẽ sụt giảm, đặc biệt với các quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch bệnh.

(ii). Trong trường hợp COVID-19 gây ra cú sốc sụt giảm về tổng cầu, khi đó nhập khẩu sẽ giảm đặc biệt ở đối tác thương mại của các quốc gia bị dịch bệnh

nặng nhất.

Sự thu hẹp mạnh về tổng nguồn cung và cầu tại nhóm các quốc gia lớn hầu như chắc chắn sẽ làm khởi phát một đợt suy thoái lớn về giao dịch thương mại trên toàn cầu.

#### 1.4. Tác động suy giảm nguồn cung thông qua chuỗi cung ứng toàn cầu

Trong số các quốc gia chịu ảnh hưởng lớn nhất có Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc là các quốc gia Đông Á đóng vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng các sản phẩm chế tạo toàn cầu. Trong nhiều thập kỷ qua, Trung Quốc đã trở thành nhà cung ứng quan trọng các đầu vào dùng cho công nghiệp trên toàn thế giới.

Ba quốc gia lớn ở Đông Á bị dịch bệnh tấn công mạnh nhất là Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản chiếm hơn 25% tổng kim ngạch nhập khẩu của Mỹ và hơn 50% kim ngạch nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Mỹ. Các công ty may mặc và giày dép sẽ đặc biệt dễ bị tổn thương do đứt gãy chuỗi cung ứng tại khu vực Đông Á. Tạp chí The Economist cũng chỉ ra sự dễ bị tổn thương của ngành công nghiệp điện tử do thói quen để hàng tồn kho ít và thiếu nguồn cung thay thế linh kiện điện tử.

Ngành công nghiệp ô tô, đặc biệt ở Đông Á, đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng do sự đứt gãy chuỗi cung ứng quốc tế. Cụ thể, việc thiếu hụt linh kiện từ Trung Quốc đã buộc nhà sản xuất xe hơi Hyundai của Hàn Quốc phải đóng cửa toàn bộ nhà máy sản xuất tại Hàn Quốc. Nissan của Nhật Bản cũng phải tạm thời đóng cửa một nhà máy tại Nhật.

Có thể dễ dàng nhận thấy các mối liên kết chuỗi cung ứng quốc tế ở cấp vĩ mô, dựa trên cơ sở dữ liệu giá trị thương mại thặng dư của các nước OECD. Ví dụ, Mỹ nhập khẩu nhiều hàng hóa từ Trung Quốc thông qua 3 con đường cơ bản sau:

Cách thức thứ nhất là nhập khẩu các sản phẩm hoàn thiện của Trung Quốc. Tuy nhiên có sự điều chỉnh do thực tế là một tỷ lệ hàng hóa Mỹ nhập khẩu từ Trung Quốc được sản xuất ở các quốc gia khác. Ví dụ như Trung Quốc có thể nhập một vài thiết bị cấp quang phức tạp từ Nhật Bản và đưa vào sản phẩm camera xuất khẩu sang Mỹ.

Cách thức thứ hai là các công ty Mỹ nhập khẩu thiết bị và linh kiện của Trung Quốc rồi sau đó lắp ráp và bán cho người tiêu dùng hoặc các công ty Mỹ khác.

Cách thức thứ ba là các công ty Mỹ mua hàng từ các nước thứ ba, trong các hàng hóa đó có linh kiện của Trung Quốc. Ví dụ, ngành công nghiệp ô tô Mexico xuất khẩu nhiều sang Mỹ thực tế nhập khẩu rất nhiều linh kiện Trung Quốc.

## 2. Tác động tới thương mại quốc tế của Việt Nam

### 2.1. Tổng quan

Trong trung hạn triển vọng kinh tế của Việt Nam vẫn còn khá thuận lợi, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng GDP vẫn bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh COVID-19, mà hiện tại đã trở thành đại dịch toàn cầu. Theo ước tính sơ bộ, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có thể giảm chỉ còn 4,9% trong năm 2020 (thấp hơn 1,6% so với dự báo trước đó). Do số lượng ca nhiễm bệnh tương đối thấp (tính đến cuối tháng 6 năm 2020), nên những tác động tiêu cực nhất do dịch bệnh gây ra là đối với lĩnh vực du lịch và sản xuất do gián đoạn chuỗi cung ứng. Áp lực lạm phát được dự báo sẽ tăng tạm thời, phản ánh qua giá cả thực phẩm, nhiên liệu và sự gián đoạn thương mại có thể xảy ra. Với nhiều hộ gia đình hiện đang phụ thuộc vào tiền lương nhất là ở khu vực nông thôn, sự suy giảm dịch vụ du lịch, khách sạn và ăn uống cũng như các ngành sản xuất có thể tạm thời làm gia tăng đói nghèo trong nửa đầu năm 2020.

Hoạt động xuất nhập khẩu được dự báo sẽ xấu đi vào năm 2021, chủ yếu là do sự sụt giảm trong xuất khẩu dịch vụ (du lịch) và dòng vốn FDI ít hơn. Thâm hụt tài khóa sẽ tăng tạm thời vào năm 2020 do nguồn thu giảm và các biện pháp kích thích tài khóa sẽ bù đắp một phần tác động tiêu cực của đại dịch toàn cầu đối với nền kinh tế Việt Nam.

### 2.2. Thách thức và rủi ro

Trong ngắn hạn, sự bùng phát dịch bệnh có thể tạo ra nhiều tác động bất lợi đối với nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là các ngành sản xuất và du lịch phụ thuộc nhiều vào nền kinh tế toàn cầu. Hậu quả của nó là rất lớn nhưng nhiều khả năng sẽ không kéo dài nếu dịch bệnh được nhanh chóng kiểm soát như các đợt dịch trước đây. Các rủi ro ngắn hạn khác bao gồm suy giảm kinh tế và thương mại toàn cầu do nền kinh tế Việt Nam là một trong những nền kinh tế mở nhất trên thế giới.

Về dài hạn, Việt Nam có thể hạn chế các rủi ro bên ngoài bằng cách đa dạng hóa thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc tham gia các hiệp định thương mại mới, ví dụ Hiệp định EVFTA, sẽ hỗ trợ nỗ lực này. Thách thức lớn ở đây chính là vừa thực hiện các cải tổ kinh tế đồng thời duy trì một xã hội công bằng và xóa đói giảm nghèo.

Sau khi gia nhập WTO, nền kinh tế Việt Nam có mối liên kết ngày càng chặt chẽ với các nền kinh tế khác, thông qua thương mại và đầu tư. Hai trong số những động lực chính rất cần thiết cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế là: (1) mức độ thu hút vốn đầu tư nước ngoài và (2) năng lực xuất khẩu của đất nước. Một lượng lớn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã được tập trung vào lĩnh vực xuất khẩu.

Hơn 50% hàng xuất khẩu của Việt Nam tập trung vào ba thị trường: Hoa Kỳ (23%), Trung Quốc (16%) và

Liên minh châu Âu và Vương quốc Anh (14%). Ngoài ra, riêng Hoa Kỳ và Châu Âu đã chiếm hơn 75 tỷ USD thặng dư thương mại. Nguồn thặng dư này rất quan trọng đối với sự tăng trưởng liên tục của Việt Nam và có được là nhờ xuất khẩu các mặt hàng: 1) điện tử tiêu dùng; 2) hàng dệt may, và giày dép; và 3) với tỷ trọng thấp hơn là các sản phẩm nông nghiệp.

### 2.3. Tác động tới các ngành dệt may và sản xuất các thiết bị điện tử tiêu dùng

Trong tương lai gần, sụt giảm tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Các dự báo mới đây nhất của WTO cho thấy suy thoái kinh tế toàn cầu chưa từng có trước đây, đặc biệt hàng nhập khẩu của Hoa Kỳ và Châu Âu sẽ bị ảnh hưởng đáng kể.

Ngoài ra, theo dự báo thế giới sẽ chứng kiến sụt giảm chưa từng thấy trong tiêu dùng đối với các hàng hóa: (1) giày dép và may mặc; và (2) điện thoại/ thiết bị điện tử tiêu dùng khác vào năm 2020. Hầu hết các kịch bản cho hai ngành công nghiệp này hiện đang dự kiến sẽ giảm dần trong quý 2 và quý 3 năm 2020, và có thể phục hồi tới mức trước khủng hoảng COVID-19 vào cuối năm 2020 và quý 1 năm 2021.

1) Đối với hàng dệt may, may mặc và giày dép, công ty tư vấn dệt may toàn cầu Wazir Advisors dự báo mức tiêu thụ giảm lần lượt là -40% và -45% ở Hoa Kỳ và Châu Âu. Để nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng này tăng trở lại mức bình thường trước kia sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào các biện pháp nới lỏng phong tỏa và việc mở lại các cửa hàng.

2) Theo công ty nghiên cứu thị trường CCS Insight, mức tiêu thụ điện thoại năm 2020 được dự đoán sẽ giảm 13%. Năm nay dự kiến sẽ là năm có doanh số thấp nhất kể từ năm 2010.

Năm 2019, đã có khoảng 11.000 và 1.800 doanh nghiệp đăng ký tại Việt Nam trong các lĩnh vực (1) dệt may và (2) sản xuất thiết bị điện tử tiêu dùng với tổng số lao động là 3,3 triệu lao động người. Nếu tính các doanh nghiệp sản xuất khác phụ thuộc trực tiếp vào hai lĩnh vực này, tổng số lao động làm việc trong lĩnh vực này sẽ là gần 10 triệu người.

Đối với ngành dệt may của Việt Nam, cuộc khủng hoảng COVID-19 có thể đẩy nhanh (i) xu hướng tập trung hóa sản xuất và (ii) chuyển dịch sang các hoạt động đem lại nhiều giá trị gia tăng hơn như xuất FOB.

Với ngành sản xuất hàng điện tử tiêu dùng / điện thoại/ máy tính và các linh kiện, lĩnh vực này chủ yếu được thực hiện bởi các công ty quốc tế lớn gần đây đã chuyển một phần sản xuất sang Việt Nam. Đối với các công ty này, tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng COVID-19 có thể không nghiêm trọng như đối với ngành dệt may. Tuy vậy, họ vẫn sẽ phải đối mặt với sự sụt giảm khoảng từ 10 đến 20% số đơn hàng của năm

2020 so với mức giảm 30 đến 40% của các công ty dệt may.

Một tác động lớn khác từ cuộc khủng hoảng COVID-19 là sự cắt giảm đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực sản xuất hàng điện tử tiêu dùng. Hầu hết các kế hoạch mở rộng sản xuất đã bị dừng lại kể từ khi dịch bệnh bùng phát. Mặc dù dịch bệnh có thể chỉ làm trì hoãn các khoản đầu tư chứ không ảnh hưởng tới sự hấp dẫn của nền kinh tế trong thu hút vốn FDI, nhưng mức vốn FDI thấp hơn dự kiến cho phần còn lại của năm 2020 có thể gây áp lực đáng kể cho Việt Nam trong ngắn hạn.

### 3. Kết luận

Cuộc khủng hoảng COVID-19 có nguy cơ đe dọa hệ thống thương mại một cách lâu dài xuất phát từ phản ứng của các doanh nghiệp và chính sách. Sự kết hợp của cuộc chiến thương mại vẫn đang tiếp diễn của Mỹ đối với tất cả các đối tác thương mại (mà đặc biệt là Trung Quốc) và sự đứt gãy chuỗi cung ứng do COVID-19 có thể sẽ đẩy chuỗi cung ứng trở về lại từng quốc gia. Chuỗi cung ứng ngày càng được quốc tế hóa sẽ nâng cao năng suất, hiệu quả nhưng nếu đảo ngược quá trình này sẽ gây ra hậu quả tiêu cực.

Với mức độ hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là mức độ phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu và chuỗi cung ứng, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam được dự báo sẽ gặp nhiều tác động không thuận lợi. Tuy nhiên, bối cảnh này cũng có thể là cơ hội để nước ta có điều kiện điều chỉnh cơ cấu hàng hóa, giảm bớt phụ thuộc vào một số nguồn cung truyền thống đối với nguyên liệu đầu vào, khai thác các hàng hóa có giá trị gia tăng cao, thu hút xu hướng đầu tư nước ngoài dịch chuyển khỏi Trung Quốc, đặc biệt đối với những ngành công nghệ, kỹ thuật cao, thân thiện với môi trường./.

### Tài liệu tham khảo

Alessandria, G, J P Kaboski and V Midrigan (2010), "The great trade collapse of 2008— 09: An inventory adjustment?", IMF Economic Review 58(2): 254-294.

Baldwin, R and Tomiura, E (2020), "Thinking ahead about the trade impact of COVID-19", CEPR Press.

Bems, R, R C Johnson and K M Yi (2010), "Demand spillovers and the collapse of trade in the global recession", IMF Economic Review 58(2): 295-326.

Crowley, M and X Luo (2011), "Understanding the Great Trade Collapse of 2008-09 and the subsequent trade recovery", Economic Perspectives 35(2): 44.

PwC (2020), "Analysis of the Potential Impacts of COVID-19 on Vietnamese Economy"